

KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG KHI CHUYỂN CẤP

• PGS.TS. NGUYỄN VĂN DẪN
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Khả năng thích ứng học đường

Theo đại từ điển Tiếng Việt, thích ứng là sự phù hợp với các điều kiện mới nhờ vào những thay đổi, điều chỉnh nhất định của chủ thể. Thích ứng tự nhiên (thích nghi) mang tính thụ động, có ở động, thực vật. Thích ứng xã hội chỉ có ở con người. Về bản chất, đó là quá trình xã hội hoá cá nhân mà hạt nhân của nó là quá trình tự thay đổi, điều chỉnh bản thân cho phù hợp với các điều kiện trong hoàn cảnh mới và cải tạo hoàn cảnh mới cho ngày càng phù hợp với thói quen, hành vi hoạt động của mình. Đó là quá trình thích ứng tích cực.

Khả năng thích ứng được hình thành và phát triển thông qua sự tương tác liên tục giữa cá nhân với môi trường sống, đó là những hoạt động có mục đích, có kế hoạch để cá nhân hoà nhập, phát triển được trong các điều kiện của hoàn cảnh mới. Thích ứng học đường là nói về khả năng thích ứng của học sinh (HS) với môi trường học tập mới, với các điều kiện hoàn cảnh học tập mới.

Tình huống bộc lộ khả năng thích ứng học đường là lúc HS mới chuyển từ lớp này sang lớp khác, từ loại trường này sang loại trường khác hoặc chuyển cấp học. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến khả năng thích ứng của HS khi mới chuyển từ lớp 5 vào học lớp 6 và từ lớp 9 vào học lớp 10 (chuyển cấp học).

Khả năng thích ứng của HS lớp 5 mới vào lớp 6 thể hiện các năng lực, phẩm chất đã đạt được sau một quá trình học tập của tiểu học, được đánh giá theo các tiêu chuẩn nội bộ của giáo viên mỗi trường tiểu học. Mặt khác, nó thể hiện khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo vốn tri thức ở tiểu học vào học ở môi trường mới

(đánh giá từ ngoài nhà trường).

2. Những thay đổi về môi trường học tập đòi hỏi HS phải thích ứng

Trong quá trình học tập, mỗi cá nhân có các thay đổi về môi trường học tập.

- Khi HS chuyển từ mẫu giáo sang học lớp 1 là sự chuyển đổi từ "hoạt động chơi để học" sang học theo giờ giấc, nội quy học tập, buộc trẻ phải từ bỏ dần các ý thích cá nhân để thực hiện theo các yêu cầu của giáo viên.

- Khi chuyển từ tiểu học lên trung học cơ sở (THCS), HS học theo chương trình phân môn theo các ngành khoa học, các quan hệ với giáo viên, bạn bè, các yêu cầu hướng nghiệp đặt ra ở mức độ cao hơn...

- Khi chuyển từ THCS lên trung học phổ thông (THPT), chương trình, nội dung mới đặt ra ở mức hoàn thiện hệ thống học vấn phổ thông. Các quan hệ giao tiếp, quan hệ hoạt động bạn bè, xã hội mở rộng.

Có thể nói đây là các mốc thời gian đòi hỏi HS phải có những nỗ lực phấn đấu để nhanh chóng thích ứng với môi trường mới.

Các thành tựu nghiên cứu về tâm lí học đã khẳng định, nếu một đứa trẻ không phát triển đầy đủ các kĩ năng xã hội thì sẽ là dấu hiệu báo trước sự kém thích ứng học đường. Gresham và Elliot (1990) đã đưa ra các nhóm kĩ năng xã hội của HS THCS và THPT là:

- Nhóm kĩ năng hợp tác (Cooperation).
- Nhóm kĩ năng quyết đoán, tự khẳng định (Assertion).
- Nhóm kĩ năng đồng cảm (Empathy)
- Nhóm kĩ năng kiểm chế, tự kiểm soát (Self-control).

Khả năng thích ứng học đường là những

biểu hiện của khả năng thích ứng xã hội trong môi trường học tập ở nhà trường.

Để đánh giá khả năng thích ứng học đường, chúng tôi không điều tra đánh giá theo 4 nhóm kĩ năng xã hội mà chỉ chọn một số tiêu chí đặc trưng cho sự thay đổi môi trường học tập khi chuyển cấp học.

Chương trình tiểu học sẽ được nối tiếp, phát triển ở THCS. Sau khi hoàn thành chương trình tiểu học, HS đã nắm được hệ thống các kiến thức, kĩ năng, phương pháp hoạt động sáng tạo và hệ thống các chuẩn mực thái độ, hành vi theo yêu cầu của chương trình do Bộ GD-ĐT ban hành. Đó là kinh nghiệm cá nhân, là phương tiện để HS vào học lớp 6 trường THCS. Nếu chương trình tiểu học chuẩn bị tốt cho việc tiếp tục học chương trình THCS, nếu HS học tốt ở tiểu học thì các em sẽ có khả năng nhanh chóng thích ứng khi vào học lớp 6.

Ở tiểu học, các kiến thức phổ thông sơ đẳng được tích hợp trong một số môn: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí; Phương pháp dạy học trực quan chiếm ưu thế. Mục tiêu cơ bản là rèn luyện các kĩ năng đọc, nói, viết, tính toán. Ở tiểu học, HS chỉ được làm quen với cách dạy của một vài giáo viên chủ nhiệm trong cả cấp học; quan hệ với tập thể thông qua vui chơi, chủ yếu với các bạn cùng địa bàn dân cư, trong một thôn, xóm, tổ dân phố.

Khi vào lớp 6, HS học theo chương trình các môn học. Các kiến thức, kĩ năng ở tiểu học chưa đủ để học tốt chương trình phân môn; mỗi giáo viên bộ môn có phương pháp dạy và các yêu cầu HS khác nhau. HS phải thay đổi về cách nghe, ghi, làm bài tập, cách diễn đạt bằng các thuật ngữ chuyên ngành của từng bộ môn.

Vào lớp 6, các em có nhiều bạn mới từ những trường tiểu học khác nhau, do vậy các em cần có thời gian để kết bạn, làm quen với nền nếp học tập, nội quy sinh hoạt trường, lớp, Đội thiếu niên, các hoạt động xã hội, từ đó đòi hỏi mỗi cá nhân HS phải tự cố gắng điều chỉnh mình để hoà nhập được với môi trường học tập mới.

Chương trình THPT được nối tiếp và phát triển từ chương trình THCS, hoàn thiện học vấn phổ thông, chuẩn bị cho HS tiếp tục học các trường chuyên nghiệp hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Những khó khăn ban đầu khi HS mới vào học lớp 10 có thể là: vốn tri thức được chuẩn bị chưa đủ để học chương trình lớp 10; HS chưa quen với phong cách dạy học của các giáo viên mới ở trường THPT; HS còn bỡ ngỡ, e ngại trong quan hệ giao tiếp với các thầy cô, bạn bè mới trong lớp, trong trường; chưa quen thực hiện nội quy, nền nếp dạy học, hoạt động giáo dục, đoàn thể ở trường THPT. Bởi vậy, khi mới vào học lớp 10, HS phải nỗ lực vận dụng các vốn kinh nghiệm cá nhân một cách linh hoạt, sáng tạo để thích ứng được với các điều kiện của môi trường học tập mới.

3. Các tiêu chí đánh giá khả năng thích ứng học đường

Điều kiện để HS nhanh chóng thích ứng với môi trường học tập mới là:

- HS cần nắm vững kiến thức, kĩ năng, phương pháp học ở cấp học dưới. Đó là những tri thức cơ bản để cá nhân HS vận dụng linh hoạt vào việc học các môn mới. Muốn vậy, mỗi HS phải biết tự đánh giá khả năng học tập của mình đối với từng môn học; biết được nguyên nhân của các yếu kém; biết lựa chọn hành động học tập để khắc phục các mặt còn yếu kém của mình.

- Có các kĩ năng giao tiếp hợp tác, đồng cảm, biết lắng nghe, biết kiềm chế bản thân trong các mối quan hệ với bạn bè trong công việc, học tập và các sinh hoạt tập thể.

- Có các phẩm chất: cần cù, trung thực, tự tin, giữ lời hứa đối với thầy cô, bạn bè trong các mối quan hệ.

Để phát hiện khả năng thích ứng học đường của HS phổ thông khi chuyển cấp, chúng tôi đã lựa chọn điều tra theo một số tiêu chí, chỉ số sau:

- Khả năng tự đánh giá năng lực cá nhân

- *Tự đánh giá khả năng học các môn khi mới vào lớp 6, lớp 10.

* Tự xác định nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trong học tập của cá nhân.

* Tự xác định các hoạt động cần thiết để khắc phục khó khăn.

* Tự xác định các mặt cần được hỗ trợ của mọi người để học tốt hơn.

- Thời gian cần thiết để cá nhân hoà nhập được với môi trường mới.

* Thời gian cần để làm quen với cách dạy cách học mới.

* Thời gian cần để làm quen với nền nếp học tập, hoạt động, quy chế mới.

* Thời gian cần để làm quen, đồng cảm với bạn bè, với thầy cô mới.

* Thời gian cần để có thể tham gia tích cực hiệu quả các hoạt động.

- Khả năng phát hiện giải quyết một số tình huống trong nhà trường

* Các tình huống trong quan hệ bạn bè.

* Các tình huống trong quan hệ với thầy, cô.

* Các tình huống trong tổ chức hoạt động tập thể.

* Các tình huống trong lựa chọn hướng nghiệp (đối với HS bậc THPT).

Kết quả điều tra 445 HS mới vào học lớp 6 và 471 HS mới vào lớp 10 ở 20 trường phổ thông thuộc Hà Nội, Hải Dương, Hoà Bình, Quảng Trị, Thành phố Hồ Chí Minh cuối năm 2005 đã cho phép rút ra một số nhận xét về khả năng thích ứng của HS mới vào lớp 6 và lớp 10.

4. Khả năng thích ứng của HS lớp 5 mới vào lớp 6 trường THCS

Khi cho HS tự đánh giá khả năng học 9 môn ở lớp 6, chúng tôi thu được 1449 câu trả lời. Trong đó có 30,06% số HS trả lời là có khả năng học tốt 9 môn ở lớp 6; có 39,25% số câu trả lời là có thể học được; có 12,85% trả lời là học có khó khăn và 11,88% câu trả lời là không biết. Nghĩa là có khoảng 75,27% số HS có thể học được và học tốt ở lớp 6; có khoảng 25% số HS học có khó khăn.

Trong số 9 môn, nhiều HS gặp khó khăn nhất khi học môn Toán, Vật lí, Sinh học, Ngữ văn, Ngoại ngữ.

TT	Nguyên nhân các khó khăn	Môn		Toán		Vật lí		Sinh học		Ngữ văn		Ngoại ngữ	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%		
1	Kiến thức lớp dưới ít liên quan	39	8,7	166	37,1	122	27,3	35	7,8	65	14,5		
2	Quên các kiến thức, kĩ năng ở lớp dưới	91	20,4	12	2,7	14	3,1	45	10,1	58	13,0		
3	Nghe giảng trên lớp không hiểu	28	6,3	48	10,7	36	8,1	15	3,4	61	13,6		
4	Chưa biết vận dụng lí thuyết vào bài tập	48	10,7	60	13,4	20	4,5	29	6,5	49	11,0		
5	Khó khăn khi diễn đạt bằng lời	45	10,1	39	8,7	29	6,5	172	38,5	77	17,2		
6	Khó khăn diễn đạt bài viết	56	12,5	38	8,5	24	5,1	65	14,5	81	18,1		
7	Thiếu thời gian học, làm bài	51	11,4	27	6,0	16	3,6	44	9,8	40	8,9		
8	Chưa biết cách học bộ môn	37	8,3	44	9,8	26	5,8	29	6,5	65	14,5		
9	Nội dung môn này dài, khó	61	13,6	22	4,9	19	4,3	78	17,4	61	13,6		
10	Ít sử dụng thí nghiệm, trực quan	23	5,1	91	20,4	114	25,5	35	7,8	13	2,9		
11	Chưa cố gắng học môn này	72	16,1	43	9,6	38	8,5	56	12,5	72	16,1		

HS tự xác định nguyên nhân của các khó khăn.

Điều tra 17 nguyên nhân gây ra khó khăn của 9 môn học, thu được 6048 câu trả lời về những khó khăn. Trong đó, số câu trả lời tập trung vào 11 nguyên nhân của 5 môn học như sau (xem bảng dưới đây)

Kết quả thống kê theo 11 nguyên nhân cho thấy HS mới vào lớp 6 gặp nhiều khó khăn học các môn: Toán chiếm 19,4%; Vật lí 20,7%; Sinh học 16,1%; Ngữ văn 21,2%; Ngoại ngữ 22,5% tổng số những khó khăn HS gặp phải với 5 môn học.

* Khả năng HS lựa chọn hành động để khắc phục các khó khăn trong học tập.

Trong số 16 hành động tích cực và tiêu cực liệt kê, đã có 64,4% HS lựa chọn 7 hành động tích cực cá nhân, có 58,6% số HS lựa chọn 5 hành động hỗ trợ tích cực cho hoạt động học. Còn có 3,8% đến 5,8% số HS đã chọn các hành động tiêu cực như: đi học trước chương trình để đến lớp học tốt hơn; cùng cha mẹ đến nhà giáo viên để thầy cô hiểu rõ hoàn cảnh của mình; làm tất cả các việc mà bạn yêu cầu để được kết nhóm bạn.v.v...

* Kết quả điều tra thời gian cần thiết để HS hoà nhập khi mới vào lớp 6.

Có 71,4% HS sau một tháng, 17,8% HS sau

2 tháng và 13,9% HS phải sau một học kì hoặc lâu hơn nữa mới có thể hoà nhập được.

* Khi đưa ra 6 tình huống thường gặp trong nhà trường và các phương án giải quyết, đã có 79,7% đến 86,2% số HS lựa chọn phương án giải quyết hợp lí.

Tóm lại, mới vào học lớp 6, còn khoảng 25% HS có khó khăn về học tập, nguyên nhân khó khăn tập trung vào các môn Toán, Vật lí, Sinh học, Ngữ văn, Ngoại ngữ. Có khoảng 67% HS biết lựa chọn các hành động tích cực để nhanh chóng hoà nhập với môi trường học tập mới; có khoảng 86% số HS sau 1 đến 2 tháng làm quen được với môi trường học tập mới và khoảng 86% HS đã biết giải quyết một số tình huống đơn giản thường gặp trong nhà trường.

Đây cũng là những con số phản ánh phần nào chất lượng đào tạo tiểu học (đánh giá từ bên ngoài) và cũng là chất lượng đầu vào của các trường THCS nơi chúng tôi đã điều tra.

5. Khả năng thích ứng của HS lớp 9 mới vào lớp 10 THPT

Kết quả điều tra qua tự đánh giá của HS ở 10 môn học cho thấy:

- Có 18,11% số HS cho rằng có thể học tốt 10 môn ở lớp 10.

- Có 46,38% số HS cho rằng có thể học được 10 môn ở lớp 10.

TT	Nguyên nhân các khó khăn	Môn		Toán		Vật lí		Hóa học		Ngữ văn		Ngoại ngữ	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%		
1	Kiến thức lớp dưới ít liên quan	92	19,5	145	30,8	134	28,5	41	8,7	36	7,6		
2	Quên kiến thức - kĩ năng lớp dưới	99	21,0	94	20,0	189	40,1	87	18,5	153	32,5		
3	Chưa biết vận dụng	127	27,0	161	34,2	140	29,7	68	14,4	58	12,3		
4	Khó khăn diễn đạt lời	58	12,3	49	10,4	46	9,8	156	33,1	112	23,8		
5	Chưa biết phương pháp bộ môn	99	21,0	113	24,0	129	27,4	102	21,7	114	24,2		
6	Ít dùng trực quan	59	12,5	203	43,1	242	51,4	46	9,6	43	9,1		
7	Chưa cố gắng học	147	31,2	132	28,0	151	32,1	124	26,3	139	29,5		

- Có 23,4% số HS cho rằng học có nhiều khó khăn và có 11,2% số HS chưa tự đánh giá được mình.

Như vậy, có khoảng 35% số HS gặp khó khăn khi mới vào học lớp 10.

Trong số 10 môn học, các môn có nhiều HS gặp khó khăn là: Ngữ văn (40,8% gặp khó khăn, 10,6% chưa xác định), Ngoại ngữ (34% có khó khăn và 7,9% chưa xác định), Hoá học (34% có khó khăn và 7,2% chưa xác định), Vật lí (có 25,9% khó khăn, 5,7% chưa xác định), Toán (22,9% có khó khăn và 6,6% chưa xác định).

- Liệt kê 17 nguyên nhân dẫn đến khó khăn khi học 10 môn, chúng tôi thu được 11.373 câu trả lời của 471 HS lớp 10, trong đó có 7 nguyên nhân gây khó khăn, có nhiều HS lựa chọn.

Trong 7 nguyên nhân gây khó khăn có nhiều HS lựa chọn tập trung vào môn Toán chiếm 17,5%, Vật lí 23,1%, Hoá học 26,5%, Ngữ văn 16%, Ngoại ngữ 16,8%, (xem bảng ở trang 51).

Trong số 17 nguyên nhân gây khó khăn cho HS khi vào học lớp 10, có các nguyên nhân thuộc về ý thức học tập, về vốn tri thức của HS khi học THCS; có nguyên nhân thuộc về chương trình, nội dung sách giáo khoa; có nguyên nhân thuộc về phương pháp, về sử dụng phương tiện dạy học của giáo viên.

* Đánh giá khả năng lựa chọn hành động để nhanh chóng thích ứng với môi trường học tập của HS mới vào lớp 10, chúng tôi đã liệt kê 17 hành động tích cực và tiêu cực.

Có từ 32,3% đến 52,1% số HS đã lựa chọn 7 hành động tích cực, cá nhân cần cố gắng thực hiện.

Có từ 55,4% đến 81,5% số HS đã lựa chọn các hành động tích cực về sự hỗ trợ của thầy, cô, tập thể, gia đình để học tốt hơn.

* Kết quả điều tra thời gian cần thiết để HS hoà nhập, học tập có hiệu quả ở môi trường mới cho thấy:

- Có 50,43% số HS hoà nhập được sau 1

tháng vào trường;

- Có 22,53% số HS hoà nhập sau 2 tháng;

- Có 27,12% số HS cho rằng cần một học kì hoặc lâu hơn nữa mới hoà nhập được.

* Kết quả điều tra cách giải quyết 8 tình huống sư phạm thường gặp trong trường THPT, đã có 76,11% số HS lựa chọn phương án giải quyết hợp lí. Nghĩa là có khoảng 24% số HS chưa biết ứng xử trong các tình huống này.

Tóm lại, trong số HS mới vào lớp 10 còn khoảng 35,5% em có khó khăn trong học tập, còn từ 48% đến 68% HS chưa biết lựa chọn hành động tích cực để khắc phục khó khăn trong học tập. Khoảng 27% HS chậm thích ứng với môi trường học tập mới và khoảng 24% HS chưa biết ứng xử trong các tình huống sư phạm xảy ra trong học tập và sinh hoạt. Các số liệu này phản ánh phần nào thực trạng chất lượng HS ở trường THCS (được đánh giá từ phía ngoài) đồng thời cũng là chất lượng đầu vào ở các trường THPT, nơi chúng tôi đã đến điều tra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Trọng Thủy, *Các chỉ số cơ bản về sinh lí và tâm lí HS phổ thông hiện nay*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
2. *Kết quả điều tra khả năng thích ứng học đường của HS lớp 5 mới vào lớp 6 và lớp 9 mới vào lớp 10 ở 20 trường THCS, THPT thuộc 5 tỉnh thành (tháng 12/2005)*.
3. *Các giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông*. Đề tài B2004-CTGD-03. PGS.TS. Nguyễn Văn Đản (chủ nhiệm), 2006.

SUMMARY

This article looks at the school adaptability by school children when changing the level. The author describes changes in the environment which requires adaptability and criteria for assessing school adaptability by students moving from Grade 5 to 6 and 9 to 10.